

HĐTL VN30 - KIỂM NGHIỆM LẠI VÙNG HỖ TRỢ 920-923 ĐIỂM

MBS Research | **BẢN TIN PHÁI SINH** | 31/10/2019



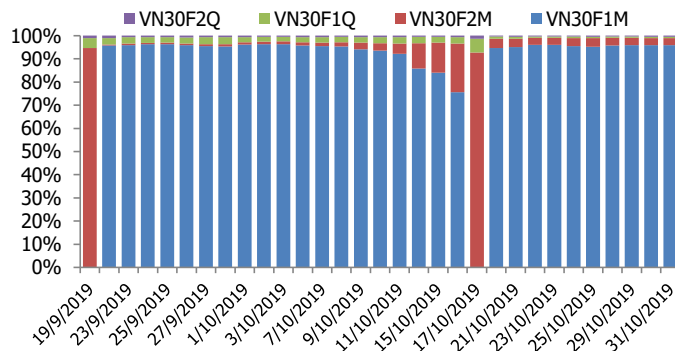
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F1911 | 11/21/2019 | 21 | 926.50 | 19,787 |
| VN30F1912 | 12/19/2019 | 49 | 925.60 | 634 |
| VN30F2003 | 3/19/2020 | 140 | 925.70 | 105 |
| VN30F2006 | 6/18/2020 | 231 | 928.90 | 115 |

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Áp lực bán mạnh tại nhiều Bluechips khiến thị trường không giữ được mốc 1.000 điểm. VNM đóng cửa giảm 2.000 đồng xuống 130.000 đồng là cổ phiếu tác động tiêu cực nhất tới thị trường. Dù vậy, nhiều Bluechips như BVH, FPT, GAS, MSN, STB, BHN, VJC, PNJ, POW, VHM, BID, HDB vẫn giữ được sắc xanh giúp thị trường không giảm quá sâu. Đóng cửa, chỉ số VN-Index giảm 2,07 điểm (-0,21%) xuống 998,82 điểm; HNX-Index giảm 0,66% xuống 105,19 điểm. Thanh khoản thị trường khá tốt với giá trị khớp lệnh 3 sàn khoảng 3.600 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng trên cả 3 sàn với tổng giá trị hơn 120 tỷ đồng.
- Phái sinh 4 lần test vùng cản mạnh không thành công khiến áp lực chốt lời gia tăng, cả 4 hợp đồng tương lai đóng cửa ghi nhận mức giảm từ 2,1 đến 2,8 điểm, tương đương với mức giảm 2,39 điểm của chỉ số cơ sở VN30. Do đó, basis của các hợp đồng tiếp tục duy trì trạng thái dương, đạt khoảng từ 2,92 điểm đến 6,22 điểm. Về khía cạnh kỹ thuật, chỉ số đang gặp cản quanh 929.5-930 điểm theo khung chart 1h, do đó, không tránh khỏi rung lắc ngắn hạn. Xu hướng Sideway Up vẫn tiếp diễn trên khung chart Daily. Chiến lược phái sinh tiếp tục canh Long trong các nhịp điều chỉnh và vùng hỗ trợ tốt đối với chỉ số tại 923-925 điểm.
- Về kỹ thuật, VN30 tiếp tục gặp khó khi tiệm cận vùng cản mạnh quanh 930-935 điểm. Dòng tiền chưa cải thiện nhiều là nguyên nhân khiến đà tăng của chỉ số bị thu hẹp. Vùng 930-935 điểm vẫn sẽ là ngưỡng cản mà chỉ số sẽ chinh phục. Ở chiều ngược lại, hỗ trợ ngắn hạn của chỉ số quanh vùng 920 điểm (tương ứng ngưỡng Fibonacci 61.8%).

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

Các chỉ số tiếp tục gặp khó khi tiệm cận các ngưỡng cản mạnh. Do đó, phải sinh canh Long ở nhịp điều chỉnh và chốt lời tại các vùng kháng cự mạnh của chỉ số. Hỗ trợ tốt đối với chỉ số trong ngắn hạn tại 925-926 điểm, các ngưỡng kháng cự tại 931-935-938 điểm.

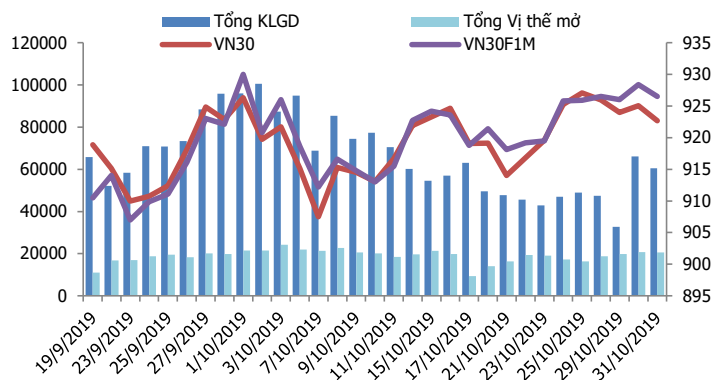
Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Vị thế Long tiếp tục nắm giữ, chốt lời vùng kỳ vọng 933-938 điểm, Stoploss nếu thủng 925 điểm.

Chiến lược giao dịch spread

Hạn chế giao dịch chênh lệch giá và chờ đợi những tín hiệu mua bán rõ ràng hơn.

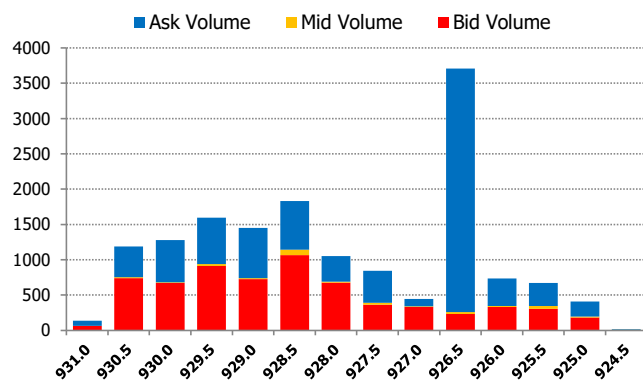
DIỄN BIẾN THANH KHOẢN HẾT L



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HẾT L CÁC KỲ HẠN

| Hợp đồng | Giá | % Chg | KLGD | % Chg | OI | % Chg |
|-------------|-------|-------|--------|-------|--------|-------|
| VN30F1911 | 926.5 | -0.20 | 60,370 | -8.3 | 19,787 | 0 |
| VN30F1912 | 925.6 | -0.30 | 93 | -51.1 | 634 | -2.2 |
| VN30F2003 | 925.7 | -0.25 | 25 | 4.2 | 105 | 4.0 |
| VN30F2006 | 928.9 | -0.13 | 32 | -54.3 | 115 | 9.5 |
| Tổng | | | 60,520 | -8.5 | 20,641 | -0.3 |

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HẾT L

- Phái sinh 4 lần test vùng cản mạnh không thành công khiến áp lực chốt lời gia tăng, cả 4 hợp đồng tương lai đóng cửa ghi nhận mức giảm từ 2,1 đến 2,8 điểm, tương đương với mức giảm 2,39 điểm của chỉ số cơ sở VN30. Do đó, basis của các hợp đồng tiếp tục duy trì trạng thái dương, đạt khoảng từ 2,92 điểm đến 6,22 điểm.
- Thanh khoản thị trường giảm nhẹ so với phiên trước, tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường đạt 60.520 hợp đồng giảm 8,49%. Trong đó, thanh khoản tập trung nhiều ở hợp đồng tháng 11 với 60.370 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo cho phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F1911 là 925,78 điểm (thấp hơn 0,72 so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F1912 là 929,93 điểm (+4,33 điểm), VN30F2003 là 944,53 điểm (+17,83 điểm) và VN30F2006 là 957,34 điểm (+28,44 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

| Khung thời gian | 15m | 1h | Daily |
|-----------------|----------------|----------------|----------------|
| Tổng kết | SELL | NEUTRAL | BUY |
| Hỗ trợ | 925-926 | 923-925 | 921-923 |
| Kháng cự | 930-931 | 931-934 | 936-938 |

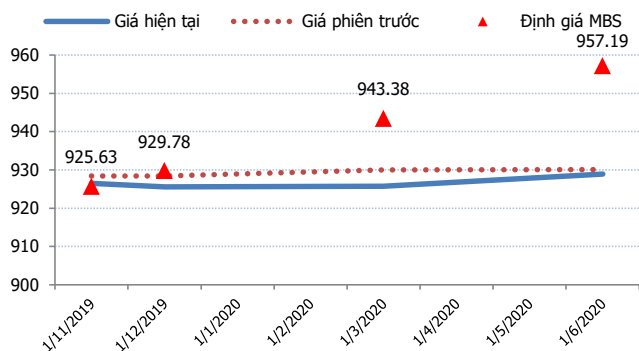
ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



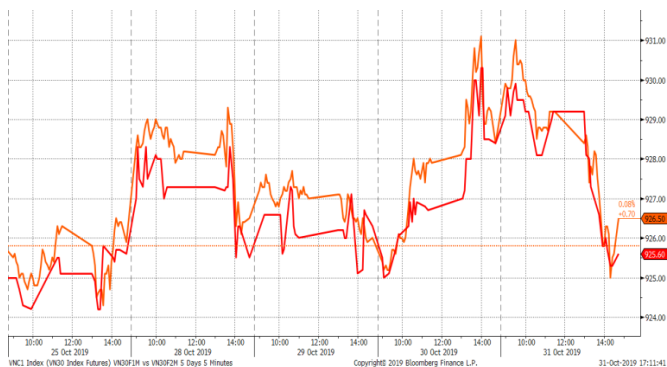
DIỄN BIẾN CHÊNH LỆCH GIÁ HĐT L

| Spread HĐT L | Hiện tại | Phiên trước | +/- | MA5 |
|-------------------|----------|-------------|------|-------|
| VN30F2M - VN30F1M | -0.9 | 0.00 | -0.9 | -0.38 |
| VN30F1Q - VN30F1M | -0.8 | 1.60 | -2.4 | -0.06 |
| VN30F1Q - VN30F2M | 0.1 | 1.60 | -1.5 | 0.32 |
| VN30F2Q - VN30F1M | 2.4 | 1.70 | 0.7 | 0.68 |
| VN30F2Q - VN30F2M | 3.3 | 1.70 | 1.6 | 1.06 |
| VN30F2Q - VN30F1Q | 3.2 | 0.10 | 3.1 | 0.74 |

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐT L CÁC KỲ HẠN



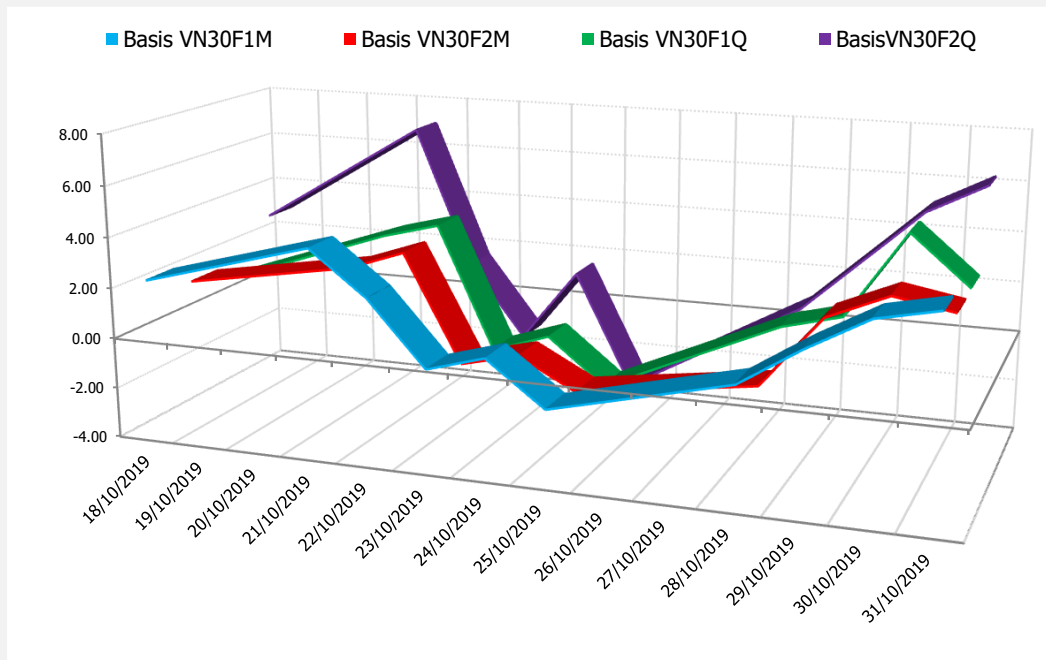
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐT L

- Phái sinh 4 lần test vùng cản mạnh không thành công khiến áp lực chốt lời gia tăng, cả 4 hợp đồng tương lai đóng cửa ghi nhận mức giảm từ 2,1 đến 2,8 điểm, tương đương với mức giảm 2,39 điểm của chỉ số cơ sở VN30. Do đó, basis của các hợp đồng tiếp tục duy trì trạng thái dương, đạt khoảng từ 2,92 điểm đến 6,22 điểm.
- Trong khi đó, chênh lệch giá giữa các hợp đồng tương lai tiếp tục dao động trong biên độ hẹp vào phiên hôm nay. Trong phần lớn thời gian phiên giao dịch, các hợp đồng duy trì những diễn biến đồng pha bám sát nhau, khó tạo cho nhà đầu tư cơ hội giao dịch chênh lệch giá. Đóng cửa, chênh lệch giá giữa các hợp đồng hiện đang nằm trong khoảng từ 0 điểm đến +1,7 điểm.

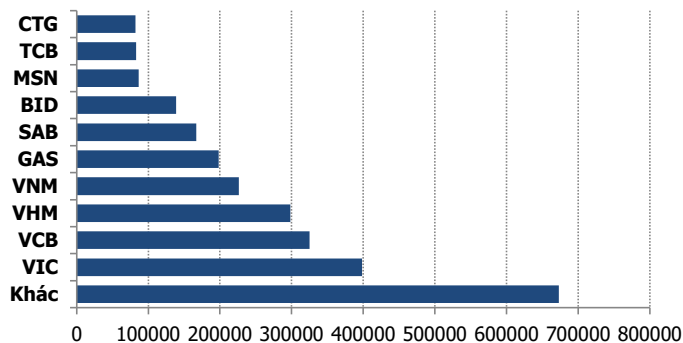
DIỄN BIẾN BASIS CÁC HỢP ĐỒNG



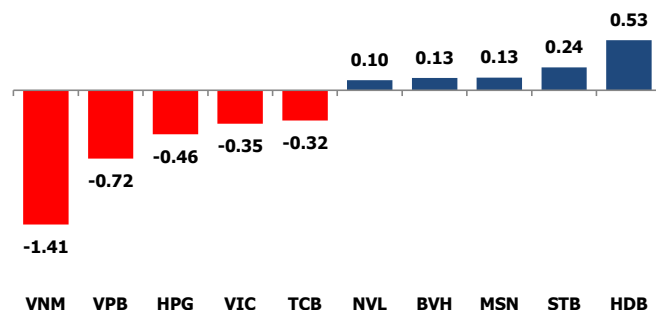
THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

| | VNIndex | VN30 |
|------------------------------|----------|----------|
| Đóng cửa | 998.82 | 922.68 |
| Thay đổi | -2.07 | -2.39 |
| %Chg | -0.21 | -0.26 |
| YTD | 11.91 | 7.92 |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | 3,380.04 | 2,676.72 |
| P/E | 16.40 | 13.35 |
| P/B | 2.38 | 2.22 |

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Áp lực bán mạnh tại nhiều Bluechips khiến thị trường không giữ được mốc 1.000 điểm. VNM đóng cửa giảm 2.000 đồng xuống 130.000 đồng là cổ phiếu tác động tiêu cực nhất tới thị trường. Trong phiên hôm nay, khối ngoại bán ròng hơn 1 triệu VNM. Dù vậy, nhiều Bluechips như BVH, FPT, GAS, MSN, STB, VJC, PNJ, VHM, BID, HDB vẫn giữ được sắc xanh giúp thu hẹp đà giảm của chỉ số.
- Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 2,39 điểm (-0,26%) xuống 922,68 điểm. Hệ số tăng/giảm ghi nhận có 11 mã tăng/17 mã giảm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 71,77 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 2.768 tỷ đồng.
- Giao dịch khối ngoại là điểm trừ khi họ tiếp tục bán ròng hơn 120 tỷ trên toàn thị trường. Trong đó, lực bán tập trung vào các Bluechips như VNM (163 tỷ đồng), MSN (40 tỷ đồng), POW (17,84 tỷ đồng), HDB (6,97 tỷ đồng)...Ở chiều ngược lại, VRE, VJC, STB, GAS, BID,...là những mã được mua ròng nhiều.

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30

Đồ thị kỹ thuật chỉ số VN30



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

| Chỉ số | Điểm số | %Chg | P/E | YTD |
|-------------------|-----------|--------|-------|-------|
| VNIndex | 998.82 | (0.21) | 16.40 | 11.91 |
| Dow Jones | 27,046.23 | (0.52) | 18.47 | 15.94 |
| S&P500 | 3,037.56 | (0.30) | 20.01 | 21.17 |
| Nikkei 225 | 22,779.96 | (0.64) | 16.44 | 13.82 |
| Shanghai | 2,929.06 | (0.35) | 14.14 | 17.45 |
| DAX | 12,866.79 | (0.34) | 23.77 | 21.86 |
| Vàng | 1,512.85 | (0.01) | | 17.96 |
| Dầu WTI | 54.33 | 0.28 | | 19.64 |

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

| | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|---------------------------------|----------|--------|---------|
| Thứ Hai - 28/10/2019 | | | |
| Trung Quốc- LN ngành CN T9 | -2.00% | | -3.30% |
| Trung Quốc- LN ngành CN 9T | -1.70% | | -2.10% |
| Thứ Ba - 29/10/2019 | | | |
| Mỹ- Niềm tin tiêu dùng tháng 10 | 126.30 | 128.00 | 125.90 |
| Mỹ- Doanh số nhà chờ bán T9 | 1.40% | 0.90% | 1.50% |
| Thứ Tư - 30/10/2019 | | | |
| Mỹ- Tồn kho dầu thô | 4.450M | | 0.592M |
| Nhật- Doanh số bán lẻ | 1.80% | 6.90% | 9.10% |
| Thứ Năm - 31/10/2019 | | | |
| Mỹ- Quyết định lãi suất | 2.00% | 2.00% | 1.75% |

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- TTCK Mỹ giảm điểm khi sự xuất hiện của những thông tin trái chiều về khả năng ký kết một thỏa thuận thương mại Mỹ-Trung khiến nhà đầu tư lo ngại. Báo cáo kết quả kinh doanh khả quan từ Apple và Facebook trở thành trụ đỡ, giúp các chỉ số tránh được một phiên giảm sâu. Lúc đóng cửa, chỉ số Dow Jones giảm 0,52%, còn 27.046,23 điểm. S&P 500 giảm 0,3%, còn 3.037,56 điểm. Chỉ số Nasdaq giảm 0,14%, còn 8.292,36 điểm.
- Giá dầu tiếp tục suy giảm trong phiên giao dịch ngày thứ Năm. Giá dầu Brent tương lai giảm 38 cent, tương đương 0,6%, xuống 60,23 USD/thùng. Giá dầu WTI giảm 88 cent, tương đương 1,6%, xuống 54,18 USD/thùng. Chốt tháng 10, giá dầu Brent giảm gần 1% trong khi giá dầu WTI tăng gần 1%.
- Giá vàng ngày 31/10 tăng hơn 1% nhờ tác động từ quyết định hạ lãi suất Fed đưa ra ngày trước đó và bất ổn xuất hiện trong quan hệ thương mại Mỹ - Trung. Giá vàng giao ngay tại sàn New York tăng 17,3 USD lên 1.512,7 USD/ounce. Giá vàng tương lai tăng 1,2% lên 1.514,8 USD/ounce.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

VNM, VPB và HPG là những cổ phiếu tác động tiêu cực nhất tới trạng thái giảm điểm của chỉ số. Trong đó, với mức giảm 2.000 đồng xuống 130.000 đồng/CP, VNM lấy đi 1,40 điểm của VN30. Ở chiều ngược lại, HDB, STB và MSN là những nhân tố chính kìm hãm đà giảm của chỉ số.

Phân tích kỹ thuật cổ phiếu VNM



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành | Tỷ trọng (%) | Giá | %Chg | H-L | GTGD | Điểm tác động | PE | PB |
|----------|-----------------------------------|--------------|---------|-------|-------|---------|---------------|-------|------|
| VNM | Food Producers | 9.94 | 130,000 | -1.52 | 2.48% | 331.648 | -1.41 | 23.79 | 7.99 |
| TCB | Banks | 8.13 | 23,700 | -0.42 | 1.05% | 29.802 | -0.32 | 8.91 | 1.41 |
| VIC | Real Estate Investment & Services | 7.59 | 119,000 | -0.50 | 1.18% | 100.584 | -0.35 | 72.41 | 4.82 |
| VJC | Travel & Leisure | 5.93 | 145,000 | 0.14 | 0.69% | 95.292 | 0.08 | 14.72 | 5.59 |
| VPB | Banks | 5.58 | 21,500 | -1.38 | 1.63% | 29.42 | -0.72 | 6.43 | 1.30 |
| HPG | General Industrials | 5.45 | 21,800 | -0.91 | 1.61% | 125.92 | -0.46 | 8.63 | 1.31 |
| MWG | Technology Hardware & Equipment | 5.41 | 124,600 | -0.24 | 1.12% | 68.452 | -0.12 | 14.97 | 4.89 |
| MSN | Financial Services | 5.24 | 74,200 | 0.27 | 2.03% | 67.796 | 0.13 | 22.46 | 2.77 |
| MBB | Banks | 4.76 | 23,000 | -0.22 | 1.09% | 41.074 | -0.10 | 7.05 | 1.36 |
| FPT | Fixed Line Telecommunications | 4.74 | 57,900 | 0.17 | 1.56% | 73.52 | 0.08 | 13.31 | 2.95 |
| VHM | Real Estate Investment & Services | 4.74 | 89,000 | 0.23 | 1.24% | 90.037 | 0.10 | 19.76 | 6.90 |
| VCB | Banks | 3.93 | 87,700 | -0.11 | 1.03% | 28.111 | -0.04 | 16.63 | 4.00 |
| NVL | Real Estate Investment & Services | 3.34 | 59,500 | 0.34 | 0.85% | 49.164 | 0.10 | 16.62 | 2.74 |
| HDB | Banks | 3.05 | 29,450 | 1.90 | 2.42% | 117.421 | 0.53 | 10.17 | 1.85 |
| STB | Banks | 2.79 | 10,800 | 0.93 | 1.88% | 33.669 | 0.24 | 7.00 | 0.74 |
| SAB | Beverages | 2.77 | 260,500 | -0.19 | 0.69% | 6.855 | -0.05 | 35.37 | 9.34 |
| EIB | Banks | 2.60 | 16,500 | 0.00 | 0.91% | 0.18 | 0.00 | 31.91 | 1.28 |
| PNJ | General Retailers | 2.24 | 83,300 | 0.36 | 2.18% | 35.859 | 0.07 | 17.21 | 4.50 |
| VRE | General Retailers | 2.21 | 33,200 | -0.15 | 1.36% | 117.881 | -0.03 | 32.15 | 2.72 |
| GAS | Oil & Gas Producers | 1.50 | 103,500 | 0.29 | 1.47% | 42.417 | 0.04 | 17.58 | 4.35 |
| GMD | Industrial Transportation | 1.08 | 26,700 | -0.74 | 1.69% | 6.562 | -0.07 | 13.70 | 1.27 |
| BID | Banks | 1.05 | 40,600 | 1.00 | 1.62% | 31.505 | 0.10 | 19.25 | 2.47 |
| CTG | Banks | 0.99 | 22,000 | -0.68 | 1.82% | 52.982 | -0.06 | 13.40 | 1.10 |
| SSI | Financial Services | 0.98 | 21,350 | 0.00 | 2.14% | 38.018 | 0.00 | 10.69 | 1.15 |
| REE | Industrial Engineering | 0.97 | 37,500 | -0.53 | 2.40% | 26.366 | -0.05 | 6.68 | 1.17 |
| BVH | Financial Services | 0.76 | 72,100 | 1.84 | 2.10% | 22.988 | 0.13 | 47.90 | 3.29 |
| SBT | Food Producers | 0.74 | 18,750 | -0.79 | 1.34% | 20.363 | -0.06 | 42.17 | 1.71 |
| ROS | Construction & Materials | 0.65 | 25,100 | -0.79 | 2.22% | 613.325 | -0.05 | 72.33 | 2.40 |
| CTD | Construction & Materials | 0.50 | 79,000 | -0.38 | 1.52% | 1.855 | -0.02 | 8.03 | 0.74 |
| DPM | Chemicals | 0.32 | 13,650 | -2.50 | 3.68% | 7.817 | -0.08 | 21.01 | 0.68 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30 | Đặc điểm sản phẩm |
|-----|---|---|
| 1 | Mã hợp đồng | VN30F-yy-mm |
| 2 | Tài sản cơ sở | Chỉ số cổ phiếu VN30 |
| 3 | Hệ số nhân hợp đồng | 100.000 đồng |
| 4 | Quy mô 01 hợp đồng | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30 |
| 5 | Tháng đáo hạn | -Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất |
| 6 | Phương thức giao dịch | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận |
| 7 | Thời gian giao dịch | - ATC: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 |
| | GD khớp lệnh định kỳ | - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 |
| | GD khớp lệnh liên tục | - 08h45 - 14h45 |
| | GD Thỏa thuận | |
| 8 | Các loại lệnh giao dịch | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC. |
| 9 | Nguyên tắc khớp lệnh | Ưu tiên giá và thời gian. |
| 10 | Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh | 01 hợp đồng |
| 11 | Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh | 500 hợp đồng |
| 12 | Đơn vị yết giá/ Bước giá | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng |
| 13 | Biên độ dao động | +/- 7% |
| 14 | Ngày giao dịch cuối cùng | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước. |
| 15 | Ngày thanh toán cuối cùng | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng. |
| 16 | Phương thức thanh toán | Thanh toán bằng tiền |
| 17 | Giá thanh toán hàng ngày | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng. |
| 18 | Giá thanh toán cuối cùng | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL. |
| 19 | Giá tham chiếu | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước. |
| 20 | Mở tài khoản | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS. |
| 21 | Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng |
| 22 | Mức ký quỹ ban đầu | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23 | Mức ký quỹ duy trì | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu. |
| 24 | Ký quỹ bổ sung | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch. |
| 25 | Thoát khỏi hợp đồng tham gia | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó. |

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601
[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)
Hotline: **1900 9088**

MBS RESEARCH | BỘ PHẬN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

| | | |
|-------------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | son.tranhoang@mbs.com.vn |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu | quynh.phamvan@mbs.com.vn |
| Nguyễn Hòa Hợp | Chuyên viên nghiên cứu | hop.nguyenhoa@mbs.com.vn |
| Nguyễn Thị Hải Hà | Chuyên viên nghiên cứu | ha.nguyenthilai@mbs.com.vn |